

Số: /2020/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp
lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sau đây gọi tắt là quy hoạch tổng hợp lưu vực sông).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lập nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.

Điều 3. Yêu cầu chung về lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông

1. Lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông phải phù hợp với đặc điểm nguồn nước của từng lưu vực sông cụ thể, tích hợp cơ cấu sử dụng đất và cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước và các quy hoạch cấp cao hơn.

2. Xác định, giải quyết các vấn đề tồn tại chính, cấp bách, ngắn hạn và dài hạn về tài nguyên nước trên lưu vực sông; bảo đảm mục tiêu quản lý nhằm điều

chính hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong kỳ quy hoạch.

3. Nội dung phân bổ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải được xây dựng cho từng tiểu vùng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông và từng nguồn nước cụ thể.

4. Tài liệu, số liệu phục vụ lập nhiệm vụ lập quy hoạch và lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông phải có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm độ tin cậy, đồng bộ và có tính kế thừa.

5. Các phương pháp lập nhiệm vụ lập quy hoạch và lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông phải phù hợp với đặc điểm lưu vực sông và mức độ chi tiết của tài liệu, số liệu.

6. Kết quả dự báo xu thế biến động dòng chảy, mực nước của các tầng chứa nước, nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích phải được tổng hợp theo không gian, gồm lưu vực sông, tiểu vùng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, đơn vị hành chính cấp tỉnh; theo thời gian, gồm tháng, mùa, năm; kỳ quy hoạch và tầm nhìn quy hoạch.

Chương II

LẬP NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH TỔNG HỢP LƯU VỰC SÔNG

Điều 4. Nội dung lập nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông

Nội dung lập nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, cụ thể:

1. Tài liệu, số liệu phục vụ lập nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.
2. Đánh giá tổng quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội.
3. Đánh giá tổng quát hiện trạng tài nguyên nước.
4. Đánh giá tổng quát về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
5. Xác định sơ bộ chức năng của nguồn nước.
6. Xác định sơ bộ nhu cầu sử dụng nước.
7. Xác định các vấn đề cần giải quyết trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tiêu nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
8. Xác định đối tượng, phạm vi và nội dung quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.
9. Xác định giải pháp, kinh phí, kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.
10. Xây dựng sản phẩm nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông.

Điều 5. Tài liệu, số liệu phục vụ lập nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông

Tài liệu, số liệu phục vụ lập nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, gồm:

1. Bản đồ địa hình quốc gia dạng số, tỷ lệ tối thiểu 1:250.000.
2. Danh mục lưu vực sông, bản đồ danh mục lưu vực sông.
3. Địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, bao gồm: vị trí địa lý, diện tích tự nhiên; dân số, tỷ lệ tăng dân số, phân bố dân cư theo đơn vị hành chính và hiện trạng phát triển của các ngành kinh tế có khai thác, sử dụng nước chính; khái quát chung tình hình sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất.
4. Số liệu mưa, bốc hơi, nhiệt độ, mực nước, lưu lượng bình quân tháng tại các trạm khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước có liên quan đến lưu vực sông lập quy hoạch.
5. Số liệu về thủy triều, mực nước biển bình quân tháng tại các trạm hải văn có liên quan đến lưu vực sông lập quy hoạch (nếu có).
6. Kịch bản biến đổi lượng mưa, nhiệt độ theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam đã được công bố.
7. Tài nguyên nước, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên lưu vực sông, bao gồm: số lượng sông, suối, hồ chứa chủ yếu, tổng lượng nước mặt theo tháng, mùa, năm; đặc điểm các tầng chứa nước, tổng trữ lượng nước dưới đất; số lượng các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước và lượng nước khai thác.
8. Xả nước thải vào nguồn nước, bao gồm: số lượng công trình và tổng lượng nước thải xả thải vào nguồn nước, các khu vực xả nước thải chủ yếu.
9. Sạt, lở bờ sông và khu vực bị ô nhiễm, suy thoái nguồn nước; sụt, lún đất, xâm nhập mặn vùng cửa sông và các tầng chứa nước (nếu có).
10. Các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có khai thác, sử dụng nước và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 6. Đánh giá tổng quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Tổng quát đặc điểm tự nhiên:
 - a) Vị trí địa lý, phạm vi vùng lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông;
 - b) Tổng diện tích tự nhiên, tỷ lệ phân bố các dạng địa hình, độ cao trung bình và hướng dốc địa hình;
 - c) Mạng lưới sông, hồ: tên các hệ thống sông chính, mật độ, vị trí đầu nguồn, vị trí cửa sông, diện tích lưu vực;
 - d) Các thành tạo địa chất chủ yếu;
 - đ) Diện tích và tỷ lệ phân bố các loại rừng;
 - e) Đặc điểm khí hậu, thời tiết;

g) Các khu du lịch, khu bảo tồn, di sản thiên nhiên (nếu có).

2. Tổng quát đặc điểm kinh tế - xã hội:

a) Các đơn vị hành chính và diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện trong lưu vực sông;

b) Tổng dân số, cơ cấu dân số, mật độ dân số và tỷ lệ phát triển dân số;

c) Các vùng đặc biệt khó khăn, vùng căn cứ cách mạng và các vùng khác được hưởng chính sách hỗ trợ (nếu có);

d) Quy hoạch sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất;

đ) Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đối với các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước.

Điều 7. Đánh giá tổng quát hiện trạng tài nguyên nước

1. Mô tả sơ bộ hệ thống sông, suối, hồ, đầm, phá và các tầng chứa nước:

a) Vị trí đầu nguồn, cuối nguồn, chiều dài các sông, suối chủ yếu; tên đơn vị hành chính cấp tỉnh mà nguồn nước chảy qua;

b) Vị trí địa lý, diện tích hồ, đầm, phá;

c) Diện phân bố, chiều sâu, bề dày của các tầng chứa nước.

2. Đánh giá tổng quát tài nguyên nước mặt:

a) Tổng lượng nước trung bình theo tháng, mùa, năm trên lưu vực sông;

b) Chất lượng nước các sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh tại các trạm quan trắc thủy văn, tài nguyên nước mặt, môi trường nước.

3. Đánh giá tổng quát tài nguyên nước dưới đất:

a) Trữ lượng tiềm năng và trữ lượng có thể khai thác của các tầng chứa nước;

b) Chất lượng nước các tầng chứa nước tại vị trí quan trắc tài nguyên nước dưới đất.

Điều 8. Đánh giá tổng quát về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

1. Đánh giá tổng quát về khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

a) Lượng nước sử dụng trong nông nghiệp, thủy sản, sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và các mục đích sử dụng nước khác (nếu có);

b) Cơ cấu sử dụng nước;

c) Các nguồn nước được khai thác, sử dụng chủ yếu;

d) Mâu thuẫn, xung đột trong khai thác, sử dụng nước (nếu có).

2. Đánh giá tổng quát về bảo vệ tài nguyên nước:

a) Các loại hình nước thải, phương thức xả nước thải vào nguồn nước;

b) Tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước;

c) Đánh giá các biện pháp công trình, phi công trình bảo vệ tài nguyên nước.

3. Đánh giá tổng quát về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:

a) Các khu vực sạt, lở bờ sông; các khu vực sụt, lún đất và xâm nhập mặn do thăm dò, khai thác nước dưới đất gây ra (nếu có);

b) Các khu vực thường xuyên chịu tác hại do nước gây ra;

c) Đánh giá các biện pháp công trình, phi công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

4. Tình hình quản lý trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

Điều 9. Xác định sơ bộ chức năng của nguồn nước

1. Xác định sơ bộ chức năng của nguồn nước trên sông, đoạn sông, tầng chứa nước là đối tượng khai thác, sử dụng nước chính.

2. Xác định các yêu cầu cần thiết để phân vùng chức năng của nguồn nước trong quá trình lập quy hoạch.

Điều 10. Xác định sơ bộ nhu cầu sử dụng nước

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước theo quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước, gồm: sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các mục đích khác (nếu có).

2. Trường hợp chưa có số liệu về nhu cầu sử dụng nước quy định tại khoản 1 Điều này thì ước tính nhu cầu sử dụng nước của các đối tượng khai thác, sử dụng nước chủ yếu dựa trên các định mức, tiêu chuẩn, quy chuẩn sử dụng nước hiện hành và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên lưu vực sông.

Điều 11. Xác định các vấn đề cần giải quyết trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tiêu nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Việc xác định các vấn đề cần giải quyết trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, tiêu nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, gồm một hoặc các nội dung sau:

1. Các vấn đề cần giải quyết trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gồm:

a) Phụ thuộc nguồn nước ở thượng nguồn ngoài biên giới đối với các sông liên quốc gia (nếu có);

b) Mâu thuẫn trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước giữa các địa phương, giữa các ngành sử dụng nước (nếu có);

c) Tình hình thiếu nước, khan hiếm nước, thời gian, khu vực thường xuyên xảy ra thiếu nước và các đối tượng sử dụng nước bị tác động;

d) Các vấn đề khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (nếu có).